**TOÁN**

# BÀI 21: MÉT VUÔNG

**TIẾT 1 - 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

**-** HS nhận biết độ lớn 1 m2 (diện tích hình vuông có cạnh dài 1 m); nhận biết tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa mét vuông và đề-xi-mét vuông; giữa mét vuông và xăng-ti-mét vuông; đọc, viết các số đo theo đơn vị mét vuông; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong trường hợp đơn giản, thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích mét vuông, đề-xi-mét vuông, xăng-ti-mét vuông.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.

- HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán và các phẩm chất trung thực, trách nhiệm.

**- 2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, giải bài tập, phân tích và hoàn thành yêu cầu các bài toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia thảo luận nhóm phát biểu trước lớp.

**3. Phẩm chất.**

Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

* GV: Kẻ trên bảng lớp hoặc dùng một miếng bìa hình vuông cạnh 1 m, chia ô giống hình vẽ trong phần Cùng học (SGK) và hình vẽ bài Luyện tập (nếu cần).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 1** | |
| **1. Khởi động.**  **- Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Khơi gợi hiểu biết của học sinh về kiến thức của bài học.  + Dẫn dắt để giới thiệu bài mới.  **- Cách tiến hành:** | |
| * GV có thể cho HS chơi: “Ai tinh mắt thế?” * GV đọc (hoặc trình chiếu) từng câu cho HS nêu nhận xét Đ/S về đơn vị đo diện tích, nếu sai thì sửa lại cho đúng.   Ví dụ:   * Con tem có diện tích khoảng 4 cm2. * Viên gạch lát nền nhà có diện tích khoảng 9 cm2. * Khăn mặt có diện tích khoảng 15 dm2. * Bảng lớp có diện tích khoảng 12 dm2. * Muốn đo diện tích sân trường thì sao? * GV kết luận và giới thiệu bài: Khi đó ta phải dùng đơn vị diện tích lớn hơn. Đơn vị đó chính là “Mét vuông”. GV giới thiệu vào bài. | * HS tham gia trò chơi. * HS giơ hoa đúng sai theo hình thức cả lớp. * HS trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. |
| **2. Hoạt động Khám phá**  **- Mục tiêu:**  **-** HS nhận biết độ lớn 1 m2 (diện tích hình vuông có cạnh dài 1 m); nhận biết tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa mét vuông và đề-xi-mét vuông; giữa mét vuông và xăng-ti-mét vuông; đọc, viết các số đo theo đơn vị mét vuông; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong trường hợp đơn giản, thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích mét vuông, đề-xi-mét vuông, xăng-ti-mét vuông.  - Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.  - HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán  **-** Cách tiến hành: | |
| **2.1. Hoạt động 1: Giới thiệu mét vuông**  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi.  **-** GV đặt các câu hỏi dẫn dắt:  + Hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?  + Diện tích hình vuông này là một mét vuông. Mét vuông là đơn vị đo đại lượng nào?  + GV viết bảng: Mét vuông là đơn vị đo diện tích.   * GV giới thiệu cách viết tắt của mét vuông.   + GV viết cm  + GV viết cm2    + GV viết dm  + GV viết dm2  + GV viết m  + GV viết m2  → GV viết bảng: Mét vuông viết tắt là m2.  + 1 m2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?  → GV viết bảng: 1 m2 là diện tích hình vuông có cạch dài 1 m.  **– Nhận biết độ lớn của m2, thực hành đọc, viết mét vuông.**  • Viết theo mẫu rồi đọc GV đọc, HS viết rồi đọc: 695 m2, 1 070 m2, 90 084 m2, …  GV lưu ý HS: số và kí hiệu cách nhau một chút (khoảng nửa thân con chữ o).  • Những vật nào có diện tích khoảng 1m2?  **2.2. Hoạt động 2: Quan hệ giữa mét vuông và đề-xi-mét vuông**  - HS (nhóm bốn) thảo luận, nhận biết quan hệ giữa mét vuông với đề-xi-mét vuông.   * GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và một vài nhóm trình bày cách làm. * GV chỉ tay trên lưới ô vuông. * GV viết bảng : 100 dm2 = 1 m2 | – HS (nhóm đôi) quan sát và tìm hiểu hình ảnh được vẽ trên bảng lớp (hoặc GV gắn bìa hình vuông cạnh 1 m có kẻ sẵn ô như SGK lên bảng lớp).   * HS trả lời: (1 m). * HS trả lời: Mét vuông là đơn vị đo diện tích. * HS đọc: xăng-ti-mét. * HS đọc: xăng-ti-mét vuông. * HS đọc: đề-xi-mét * HS đọc: đề-xi-mét vuông. * HS đọc: mét * HS đọc: mét vuông. * HS trả lời: (1 m).   - HS lắng nghe cách đọc.   * HS làm theo vào bảng con: 3 m2; 805 m2.   - HS trả lời: mặt bàn học, bảng phụ, mặt va li loại lớn, …   * HS quan sát hình ảnh ở trên bảng lớp, nhận biết:   • Hình vuông nhỏ có cạnh 1 dm nên diện tích là 1 dm2.  • Hình vuông lớn có diện tích 1 m2.   * HS thảo luận tìm cách làm.   • Mỗi ô vuông nhỏ có diện tích 1 dm2.  • Tìm xem hình vuông lớn gồm bao nhiêu ô vuông nhỏ.  → Đếm hoặc tính (theo hàng, theo cột).  – Một vài nhóm trình bày.  – Cả lớp đếm theo tay chỉ của GV.  • Hàng đầu đếm theo ô 1 dm2: 1 dm2, 2 dm2, 3 dm2, …, 10 dm2.  • Đếm các hàng theo 10 dm2: 10 dm2, 20 dm2, 30 dm2, …, 100 dm2.  → 1 m2 = 100 dm2   * HS lặp lại nhiều lần: 100 dm2 = 1 m2 |
| **3. Hoạt động thực hành.**  - Mục tiêu:  + HS thực hành ước lượng được diện tích của một số mặt phẳng theo đơn vị mét vuông.  + HS chuyển đổi được đơn vị đo từ mét vuông sang đơn vị đề-xi-mét vuông, xăng-ti-mét vuông và ngược lại.  + HS phát triển năng lực tư duy toán học, giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | |
| **3.1. Bài tập 1**  GV yêu cầu HS đọc đề bài.  a) Ước lượng diện tích theo đơn vị đo mét vuông.  b) Ước lượng khoảng mấy viên gạch thì có diện tích là 1 m2?  Lưu ý: HS có thể giải thích bằng nhiều cách, nếu phù hợp thì công nhận. Đo  • Bảng lớp có chiều dài gần bằng 4 m và chiều rộng hơn 1 m.  4 × 1 = 4  Diện tích bảng gần bằng 4 m2.  – GV giúp HS nhận xét:  • So sánh kết quả tính với kết quả ước lượng.  **3.2. Bài tập 2**  − GV yêu cầu HS hoạt động (nhóm bốn) nhận biết yêu cầu:   1. Đếm theo đề-xi-mét vuông.   b) số?  – GV hỏi nhanh đáp gọn ôn lại cách chuyển đổi đơn vị   * Một mét vuông bằng bao nhiêu đề-xi-mét vuông? * Tám mét vuông? * Mười một mét vuông?   – Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền / nói).  **3.3. Bài tập 3:**  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi.  Thực hiện tương tự như bài tập 2   1. GV vấn đáp.  * 1dm2 = ? cm2 * Mỗi ô nhỏ có diện tích là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông? * GV chi tay cho học sinh đếm.   - GV viết bảng: 10 000 cm2 = 1 m2    b)  – Hỏi nhanh đáp gọn ôn lại cách chuyển đổi đơn vị  • Năm mét vuông bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?  Mười mét vuông bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?  – Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền/ nói). | – HS đọc đề bài, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:  – HS (nhóm bốn) thảo luận tìm cách làm.  – HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  – Sửa bài, HS (vài nhóm) nêu kết quả, GV khuyến khích HS giải thích cách làm.  Ví dụ:  a) Ước lượng  HS nêu kết quả, GV ghi nhận vào góc bảng.  → Bảng lớp theo chiều rộng khoảng 1 hình vuông và chiều dài khoảng 4 hình vuông  → Diện tích bảng lớp khoảng 4 m2.   * HS hoạt động nhóm   – Một vài nhóm trình bày.  – Cả lớp đếm theo tay chỉ của GV.  • Hàng đầu đếm theo ô 1 dm2: 1 dm2, 2 dm2, 3 dm2, …, 10 dm2.  • Đếm các hàng theo 10 dm2: 10 dm2, 20 dm2, 30 dm2, …, 100 dm2.  → 1 m2 = 100 dm2 100 dm2 = 1 m2 (GV viết bảng, HS lặp lại nhiều lần.)  HS trả lời: coi trăm là đơn vị đếm.  + một trăm đề-xi-mét vuông  + tám trăm đề-xi-mét vuông  +mười một trăm đề-xi-mét vuông → Viết? (1100 dm2)  – HS thực hiện cá nhân.   * HS trả lời: 1dm2 = 100 cm2 * Mỗi ô nhỏ có diện tích là 100cm2   – Cả lớp đếm theo tay chỉ của GV.  • Hàng đầu đếm theo ô  100 cm2: 100 cm2, 200 cm2, 300 cm2, …, 1 000 cm2.  • Đếm các hàng theo  1 000 cm2: 1 000 cm2, 2 000 cm2, 3 000 cm2,… 10 000cm2.  → 1 m2 = 10 000 cm2 10 000 cm2 = 1 m2     * HS lặp lại nhiều lần: 10 000 cm2 = 1 m2   HS trả lời: coi mười nghìn là đơn vị đếm.  + năm mươi nghìn xăng-ti-mét vuông  +mười mươi nghìn xăng-ti-mét vuông.→ Viết? (100 000 cm2)  – HS **thực hiện** cá nhân. |
|  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 2** | |
| **1. Khởi động.**  **- Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Ôn tập kiến thức của học sinh về đơn vị đo diện tích mét vuông.  **- Cách tiến hành:** | |
| * GV cho học sinh chơi trò chơi “Bắn tên”.   Luật chơi: Ai bị tên bắn trúng phải đổi đúng đơn vị người bắn tên đưa ra. Sau khi trả lời đúng, người bị bắn tên sẽ ra câu hỏi khác và bắn học sinh khác tùy thích. Lần lượt chơi (số lượng học sinh tùy ý hoặc đến khi hết lớp) | * HS tham gia trò chơi. * HS trả lời lần lượt các câu hỏi và tham gia đúng luật chơi của trò chơi. |
| **2. Hoạt động Luyện tập**  **- Mục tiêu:**  - Thực hiện chuyển đổi đơn vị đo giữa các đơn vị đo diện tích đã học.  - HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán  **-** Cách tiến hành: | |
| **2.1. Hoạt động 1: Bài tập 1**  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi.  - GV đặt câu hỏi dẫn dắt:  • Yêu cầu của bài:  • Tìm thế nào?  – Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền/ nói cách làm).  Ví dụ: a) 6 m2 76 dm2 = … dm2  6 m2 = 600 dm2  600 dm2 + 76 dm2 = 676 dm2  6 m2 76 dm2 = 676 dm2 | – HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết:   * HS trả lời: Điền số vào chỗ chấm. * HS trả lời: thực hiện chuyển đổi đơn vị đo.      * HS thực hiện cá nhân. |
| **3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến đơn vị đo.  + HS phát triển năng lực tư duy toán học, giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | |
| * GV trình chiếu (hoặc treo) hình vẽ lên cho HS quan sát: * GV vấn đáp giúp HS xác định kích thước từng phòng và yêu cầu của bài. * Ông ngoại của Huy xây nhà có mấy phòng? * Các phòng có hình gì? * A picture containing text, screenshot, diagram, font    Description automatically generatedMuốn biết kích thước của mỗi phòng, ta làm thế nào? * GV tổ chức cho HS sửa bài, khuyến khích HS thao tác trên hình vẽ để giải thích cách làm. | * HS đọc đề bài hai (hai HS đọc, cả lớp đọc thầm theo).   + HS trả lời: 6 phòng (1 phòng khách, 1 phòng làm việc, 1 phòng sinh bếp hoạt chung, 2 phòng ngủ và 1 phòng tắm.)  + Hình chữ nhật  + Xem trên bản vẽ, đếm ô vuông cạnh 1m.   * Cho biết kích thước của từng phòng, chẳng hạn: phòng khách có chiều dài 6m, chiều rộng 3m. * HS thảo luận tìm cách làm. * HS trình bày cách làm.   Ví dụ:  a) Quan sát hình vẽ, ta thấy:  Phòng bếp – Sinh hoạt chung có diện tích lớn nhất. Phòng tắm có diện tích bé nhất.  b) Diện tích mỗi phòng ngủ: 12 m2 (4 m × 3 m).  c) Các phòng của ngôi nhà nằm trong khuôn viên: nếu thêm 2 mảnh đất, mỗi mảnh 4 m2  thì vừa vặn một hình vuông cạnh 10 m.  Tổng diện tích các phòng là 92 m2  (10 × 10 – 4 × 2). |
|  | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................